

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 18/2005/NĐ-CP ngày 24/02/2005 của Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Nghị định này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Tổ chức bảo hiểm tương hỗ được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập để kinh doanh bảo hiểm nhằm mục đích tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên là các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động trong cùng một lĩnh vực, ngành nghề hoặc sinh sống trên cùng một địa bàn và có cùng loại rủi ro.

Tên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải thể hiện rõ tính chất tương hỗ và phải có cụm từ "Bảo hiểm tương hỗ", viết tắt là "BHTH".

2. Thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ vừa là bên mua bảo hiểm vừa là chủ sở hữu của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

3. Các thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ đều có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

4. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh trong phạm vi vốn và tài sản của mình.

Điều 3. Quyền của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Tổ chức bảo hiểm tương hỗ có các quyền sau đây:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của mình.

2. Tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định về mức phí bảo hiểm mà thành viên của tổ chức phải đóng góp; nhận hoặc từ chối nhận bảo hiểm theo quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chủ động lựa chọn nghiệp vụ bảo hiểm, địa bàn hoạt động, quy mô và cơ cấu tổ chức phù hợp.

5. Quyết định việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ theo Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Tổ chức bảo hiểm tương hỗ có các nghĩa vụ sau đây:

1. Kinh doanh trong phạm vi, địa bàn và nghiệp vụ được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, tài chính.

3. Bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ

chức trong phạm vi tài sản của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

5. Bảo đảm các quyền của thành viên và thực hiện các cam kết đối với thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

6. Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

THÀNH VIÊN

Điều 5. Số lượng thành viên tối thiểu của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Số lượng thành viên tối thiểu của tổ chức bảo hiểm tương hỗ không thấp hơn 10 thành viên.

2. Trường hợp số lượng thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ thấp hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải báo cáo ngay Bộ Tài chính về thực trạng, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục.

Trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tương hỗ không thể tăng số lượng thành viên theo kế hoạch đã được Bộ Tài chính phê duyệt, Bộ Tài chính sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định chấm dứt hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ hoặc chuyển đổi tổ chức bảo hiểm tương

hỗ sang hình thức doanh nghiệp bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thành viên sáng lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Thành viên sáng lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ là tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, tham gia thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ và cam kết mua bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm tương hỗ ngay sau khi tổ chức này được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Thành viên sáng lập không được hưởng bất kỳ ưu đãi nào so với các thành viên khác của tổ chức bảo hiểm tương hỗ trừ khi Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ có quy định khác.

Điều 7. Thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật và đã giao kết hợp đồng bảo hiểm với tổ chức bảo hiểm tương hỗ là thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 8. Quyền của thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ có các quyền sau đây:

1. Được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm mà thành viên đó đã giao kết với tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

2. Được hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức bảo hiểm tương hỗ theo quy định tại Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

3. Tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; ứng cử, bầu cử vào bộ máy quản lý và các chức danh được bầu khác của tổ chức bảo hiểm tương hỗ theo Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm và pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

2. Chấp hành điều lệ, nội quy, quy chế hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ và các nghị quyết được thông qua tại Đại hội thành viên.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, khoản lỗ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ trong phạm vi số phí bảo hiểm đã đóng cho tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

4. Thành viên sáng lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải cam kết mua bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

ngay sau khi tổ chức này được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chấm dứt tư cách thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Tư cách thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ chấm dứt khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Hợp đồng bảo hiểm giữa thành viên và tổ chức bảo hiểm tương hỗ chấm dứt, được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật;

b) Thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ là cá nhân chết; hoặc thành viên là tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, hợp nhất hoặc chấm dứt hoạt động;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định.

2. Trừ khi Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ hay hợp đồng bảo hiểm có quy định khác, thành viên sáng lập không được đơn phương chấm dứt tư cách thành viên trong thời hạn 03 năm, kể từ khi tổ chức bảo hiểm tương hỗ được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

3. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ và hợp đồng bảo hiểm đã giao kết với tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Chương III

CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 12. Hợp đồng được ký trước khi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Hợp đồng phục vụ cho việc thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ có thể được các thành viên sáng lập ký kết.

2. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thành lập thì tổ chức đó là người tiếp nhận quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại khoản 1 Điều này trừ khi có thỏa thuận khác.

3. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tương hỗ không được thành lập thì các thành viên sáng lập chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp đồng đó.

Điều 13. Góp vốn thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Vốn thành lập tổ chức bảo hiểm tương

hỗ sẽ được góp bằng tiền, các loại giấy tờ có giá chuyển đổi được thành tiền vào tài khoản phong tỏa mở tại một ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam. Việc phong tỏa tài khoản sẽ chấm dứt ngay sau khi tổ chức bảo hiểm tương hỗ được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 14. Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải phù hợp với các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ do các thành viên sáng lập xây dựng khi chuẩn bị thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ và phải có chữ ký của các thành viên sáng lập.

3. Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên và địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; biểu tượng của tổ chức bảo hiểm tương hỗ (nếu có);

b) Mục đích thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

c) Lĩnh vực, phạm vi, địa bàn hoạt động; thời gian hoạt động;

d) Xác định tư cách thành viên, quyền và nghĩa vụ của các thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

đ) Cơ chế biểu quyết của các thành viên;

e) Tên, địa chỉ, quyền và nghĩa vụ của các thành viên sáng lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ; người đại diện trước pháp luật;

f) Vốn thành lập của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; phương thức đóng góp, hoàn trả vốn thành lập và các chi phí liên quan đến việc thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

g) Quy chế tài chính; các nguyên tắc, cơ sở giảm phí bảo hiểm; phương thức phân chia kết quả hoạt động kinh doanh;

h) Cơ cấu tổ chức, bộ máy, chế độ làm việc của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát; chế độ đãi ngộ của người quản trị, điều hành; thể thức bầu cử, thông qua quyết định; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

i) Các nội dung khác của Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ do các thành viên thỏa thuận nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

4. Việc hủy bỏ, thay thế, bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ do đại hội toàn thể thành viên quyết định.

Điều 15. Chi nhánh, Văn phòng đại diện

Việc mở chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo các quy định pháp luật áp dụng đối với các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm khác.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản lý tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Tổ chức bảo hiểm tương hỗ bao gồm: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban Kiểm soát.

Điều 17. Đại hội thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Đại hội thành viên là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Đại hội thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ bao gồm: đại hội thành lập, đại hội thường niên và đại hội bất thường.

2. Đại hội thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ được tiến hành theo các quy định dưới đây:

a) Chậm nhất trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, các thành viên sáng lập phải triệu tập đại hội thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ với thành phần tham dự bao gồm các thành viên sáng lập.

b) Đại hội thành lập sẽ thảo luận và biểu quyết các vấn đề cơ bản sau:

- Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

- Cơ cấu tổ chức, quản lý tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

c) Các quyết định được thông qua tại đại hội thành lập chỉ có giá trị khi được toàn thể các thành viên sáng lập thông qua và có sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

3. Đại hội thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, trong vòng 03 (ba) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Đại hội bất thường của tổ chức bảo hiểm tương hỗ được tổ chức trong những trường hợp sau đây:

a) Đại hội bất thường do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát của tổ chức bảo hiểm tương hỗ triệu tập để quyết định những vấn đề cần thiết, vượt quá quyền hạn của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

b) Trong trường hợp có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên có yêu cầu triệu tập Đại hội thành viên gửi lên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát, thì trong vòng 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận đủ đơn hợp lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập đại hội thành viên. Nếu quá thời hạn này mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thì Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội bất thường để giải quyết các vấn đề nêu trong đơn.

Điều 18. Chương trình và nội dung họp Đại hội thành viên

1. Người triệu tập họp Đại hội thành viên phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2. Trong trường hợp Đại hội bất thường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 của Nghị định này, nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội thành viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến tổ chức bảo hiểm tương hỗ chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên của những thành viên ủng hộ kiến nghị và nội dung vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội thành viên chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội thành viên;

c) Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 19. Thông báo triệu tập Đại hội thành viên

1. Chậm nhất là 10 (mười) ngày, trước

ngày khai mạc Đại hội thành viên, người triệu tập phải gửi giấy mời thông báo thời gian, địa điểm họp cho từng thành viên. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình Đại hội, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

2. Đại hội thành viên chỉ thảo luận và quyết định những vấn đề đã ghi trong chương trình Đại hội và những vấn đề phát sinh khi có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ đề nghị.

Điều 20. Quyền dự họp Đại hội thành viên

1. Thành viên có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội thành viên.

2. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập danh sách thành viên đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội thành viên thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội thành viên.

Điều 21. Nội dung của Đại hội thành viên

Đại hội thành viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

2. Phương án hoạt động, kế hoạch kinh

doanh và tài chính trong năm tiếp theo của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

3. Hoàn trả vốn thành lập; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật; giảm phí bảo hiểm cho các thành viên trong năm tài chính tiếp theo theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

4. Quyết định huy động vốn bổ sung.

5. Bầu, bãi miễn các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

6. Hợp nhất, chia tách, sáp nhập giải thể tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

8. Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các chức danh khác (nếu có) của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

9. Những vấn đề khác theo đề nghị bằng văn bản của Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 22. Quy định về số lượng người tham dự và biểu quyết trong Đại hội thành viên

1. Đại hội thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải có đủ số lượng thành viên tối thiểu tham dự theo quy định tại Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Nếu không đủ số lượng quy định thì phải tạm hoãn Đại hội; Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát phải

triệu tập lại Đại hội. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai mà vẫn không có đủ số lượng thành viên để tiến hành thì cuộc họp đại hội thành viên được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng thành viên dự họp.

2. Quyết định sửa đổi điều lệ, hợp nhất, chia tách, sáp nhập, giải thể tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thông qua khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành. Các quyết định về những vấn đề khác được thông qua khi có quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

3. Việc biểu quyết tại Đại hội thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 23. Hội đồng quản trị của tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý tổ chức bảo hiểm tương hỗ, có toàn quyền nhân danh tổ chức bảo hiểm tương hỗ để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

b) Kiến nghị Đại hội thành viên quyết định việc giảm phí bảo hiểm cho các thành viên trong năm tài chính tiếp theo;

quyết định hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

c) Quyết định phương án đầu tư;

d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của tổ chức bảo hiểm tương hỗ hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cán bộ quản lý quan trọng khác của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ tổ chức bảo hiểm tương hỗ; mở, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội thành viên;

g) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội thành viên, triệu tập họp Đại hội thành viên hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội thành viên thông qua quyết định;

h) Kiến nghị việc tổ chức lại, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp hoặc giải thể tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo

quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị gồm không quá mười một thành viên. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, số lượng cụ thể, việc bầu và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là kế toán trưởng, thủ quỹ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột của họ.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải là người có uy tín, đạo đức nghề nghiệp và kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Việc bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc (Tổng Giám đốc) tổ chức bảo hiểm tương hỗ, trừ trường hợp Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, văn bản được Hội đồng quản trị thông qua; tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa họp Đại hội thành viên;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a) Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;

b) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc những người khác được quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị do Điều lệ hoặc quy chế quản lý nội bộ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Từ chức;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng thành viên.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội thành viên trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội thành viên sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 27. Giám đốc (Tổng Giám đốc) tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc). Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc (Tổng Giám đốc) tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Trường hợp Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ không quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì Giám đốc (Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người điều hành hoạt động hàng ngày của tổ chức bảo hiểm tương hỗ và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc (Tổng Giám đốc) của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải là người có uy tín, đạo đức nghề nghiệp có thực tiễn quản lý kinh doanh hay quản lý nhà nước về bảo hiểm ít nhất 03 năm và phải thường trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Việc bổ nhiệm, thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) của tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải có sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, bao gồm cả các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

d) Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong tổ chức bảo hiểm tương hỗ, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

e) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong tổ chức bảo hiểm tương hỗ, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng Giám đốc);

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Nghĩa vụ của người quản lý tổ chức bảo hiểm tương hỗ

Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cán bộ quản lý khác của tổ chức bảo hiểm tương hỗ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của tổ chức bảo hiểm tương hỗ và thành viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của tổ chức bảo hiểm tương hỗ để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của tổ chức bảo hiểm tương hỗ cho người khác; không được tiết lộ bí mật của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Khi tổ chức bảo hiểm tương hỗ không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của tổ chức bảo hiểm tương hỗ cho tất cả chủ nợ biết;

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, kể cả cho người quản lý;

c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b Khoản này;

d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

4. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định.

Điều 29. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải có Ban Kiểm soát bao gồm từ ba đến năm thành viên do đại hội thành viên bầu ra, trong đó ít nhất phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban; Trưởng ban Kiểm soát phải là thành viên tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định.

2. Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội thành viên, theo yêu cầu của các thành viên quy định tại khoản 3 Điều 21 của Nghị định này;

c) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội thành viên;

d) Báo cáo Đại hội thành viên về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

đ) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 30. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, của Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng của tổ chức bảo hiểm tương hỗ đó.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát, chế độ làm việc và thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát do Điều lệ tổ chức bảo hiểm tương hỗ quy định hoặc do Đại hội thành viên quyết định.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về những sai phạm gây thiệt hại cho tổ chức bảo hiểm tương hỗ trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Chương V

**TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN
VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Điều 32. Vốn pháp định

1. Vốn pháp định của tổ chức bảo hiểm tương hỗ không thấp hơn 10 tỷ đồng. Riêng mức vốn pháp định của tổ chức bảo hiểm tương hỗ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp thấp hơn mức nêu trên, được thực hiện theo hướng dẫn riêng.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về mức vốn pháp định của tổ chức bảo hiểm tương hỗ theo từng lĩnh vực, ngành nghề.

Điều 33. Nguồn vốn thành lập

Nguồn vốn thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ bao gồm:

1. Đóng góp của các thành viên sáng lập.
2. Tạm ứng phí bảo hiểm của các thành viên.
3. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Ký quỹ

1. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải sử dụng một phần vốn của mình để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ được

hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ.

2. Mức tiền ký quỹ bằng 5% vốn pháp định.

Điều 35. Dự phòng nghiệp vụ

1. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ phải trích lập dự phòng nghiệp vụ từ phí bảo hiểm của từng nghiệp vụ bảo hiểm đối với phần trách nhiệm giữ lại của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

2. Dự phòng nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ bao gồm:

a) Dự phòng phí chưa được hưởng, được sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;

b) Dự phòng bồi thường cho các khiếu nại chưa giải quyết, được sử dụng để bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;

c) Dự phòng bồi thường cho các giao động lớn về tổn thất, được sử dụng để bồi thường khi có giao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

d) Các loại dự phòng nghiệp vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính quy định cụ thể mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

Điều 36. Phân chia kết quả kinh doanh

1. Lợi nhuận của tổ chức bảo hiểm tương hỗ là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu trừ tổng chi phí của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.

2. Lợi nhuận của tổ chức bảo hiểm tương hỗ được sử dụng cho những mục đích sau:

a) Hoàn trả các khoản vay vốn thành lập tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

b) Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

c) Làm cơ sở để giảm phí bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm được tái tục trong năm tài chính tiếp theo;

d) Các mục đích khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức bảo hiểm tương hỗ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 37. Chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo

Các quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đầu tư vốn, khả năng thanh toán, doanh thu và chi phí, quỹ dự trữ bắt buộc, chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và báo cáo tài chính của tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo quy

định tại Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TƯƠNG HỖ

Điều 38. Quản lý nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước đối với việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ, bao gồm các nội dung sau:

a) Hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bảo hiểm tương hỗ; xây dựng các chính sách, chế độ liên quan đến tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

b) Cấp và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

c) Ban hành, phê chuẩn, hướng dẫn thực hiện quy tắc, điều khoản, biểu phí, hoa hồng bảo hiểm mà tổ chức bảo hiểm tương hỗ dự kiến áp dụng;

d) Áp dụng các biện pháp cần thiết để tổ chức bảo hiểm tương hỗ bảo đảm các yêu cầu về tài chính và thực hiện những cam kết với bên mua bảo hiểm;

d) Giúp đỡ đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

e) Thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm, việc chấp hành chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tương hỗ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bảo hiểm tương hỗ;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Hợp nhất, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, giải thể, phá sản tổ chức bảo hiểm tương hỗ

1. Việc hợp nhất, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, giải thể tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

2. Phá sản tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp bảo hiểm.

Điều 40. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Khen thưởng và xử lý vi phạm trong quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ được thực hiện theo quy định tại Chương VIII Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực của Nghị định

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Đối với những vấn đề Nghị định này không quy định thì áp dụng những quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 42. Hướng dẫn thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải